1 Vai trò và đặc điểm của công nghiệp . Các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố công nghiệp

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

 - Trình bày được vai trò và đặc điểm của sản xuất công nghiệp

 - Phân tích được ảnh hưởng của các nhân tố tự nhiên và KT - XH tới phát triển và phân bố công nghiệp.

2. Năng lực:

 - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, sử dụng công nghệ thông tin.

 - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.

3. Phẩm chất:

 - Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu: SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

3.1. Ổn định:

Ngày dạy

Lớp

Sĩ số

Ghi chú

3.2. Kiểm tra bài cũ: Không kiểm tra.

3.3. Hoạt động học tập:

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục đích: HS nhận biết được các ngành công nghiệp, vai trò của ngành công nghiệp.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) Sản phẩm: HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

 - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu một số hình ảnh về các ngành công nghiệp: Đây là ngành công nghiệp gì? Nhận xét vai trò của ngành công nghiệp nói chung?

 - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút.

 - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

 - Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về vai trò và đặc điểm của công nghiệp

a) Mục đích: HS hiểu về vai trò, đặc điểm của công nghiệp, so sánh với đặc điểm của nông nghiệp. Khai thác và sử dụng kiến thức trong SGK.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

I. Vai trò và đặc điểm của công nghiệp

1. Vai trò

 - Công nghiệp giữ vai trò chủ đao trong nền kinh tế quốc dân

 - Tạo ra tư liệu sản xuất và xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật cho các ngành kinh tế từ đó thúc đẩy các ngành kinh tế phát triển.

 - Giải phóng sức lao động, tạo ra nhiều sản phẩm tiêu dùng, nâng cao trình độ văn minh của toàn xã hội.

 - Củng cố an ninh quốc phòng.

 - Khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

2. Đặc điểm

a. Sản xuất công nghiệp gồm 2 giai đoạn

 - Giai đoạn 1: Tác động vào đối tượng lao động để tạo ra nguồn nguyên liệu

 - Giai đoạn 2: Chế biến nguyên liệu để tạo ra tư liệu sản xuất và vật phẩm tiêu dùng

b. Sản xuất công nghiệp có tính tập trung cao độ: Thể hiện ở sự tập trung tư liệu sản xuất, nhân công và sản phẩm trên 1 diện tích nhất định.

c. Sản xuất công nghiệp gồm nhiều ngành phức tạp, được phân công tỉ mỉ và có sự phối hợp chặt chẽ để tạo ra sản phẩm cuối cùng.

3. Phân loại

 - Dựa vào tính chất tác động đến đối tượng lao động ngành công nghiệp được chia thành hai nhóm:

 + Công nghiệp khai thác.

 + Công nghiệp chế biến.

 - Dựa vào công dụng kinh tế của sản phẩm ngành công nghiệp được chia làm hai nhóm:

 + Công nghiệp nặng (nhóm A).

 + Công nghiệp nhẹ (nhóm B).

d) Tổ chức thực hiện:

 - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc SGK, kết hợp vốn hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi:

 + Câu hỏi 1: kể tên các sản phẩm của ngành công nghiệp, kết hợp với nội dung mục 1 (SGK), cho biết vai trò của ngành công nghiệp?

 + Câu hỏi 2: Nêu đặc điểm của nông nghiệp, so sánh với đặc điểm công nghiệp? Phân tích sơ đồ SGK, nêu rõ hai giai đoạn của SX công nghiệp? Đặc điểm chung của hai giai đoạn?

 + Câu hỏi 3: Các ngành công nghiệp được phân loại như thế nào? Ví dụ?

 - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

 + Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.

 + GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

 - Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

 + Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau

 + Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

 - Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển

và phân bố công nghiệp

a) Mục đích: HS biết các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố công nghiệp.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

II. Các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố công nghiệp

1. Vị trí địa lí

 - Lựa chọn địa điểm, cơ cấu ngành công nghiệp, hình thức tổ chức lãnh thổ.

2. Điều kiện tự nhiên

 - Khoáng sản: Chi phối tới quy mô, cơ cấu và tổ chức các xí nghiệp công nghiệp.

 - Khí hậu và nước:vừa tác động trực tiếp vừa tác động gián tiếp

 - Đất, rừng, biển: Đất - tạo mặt bằng để xây dựng xí nghiệp, rừng, biển - cung cấp nguyên liệu…

3. Kinh tế - xã hội

 - Dân cư - lao động: trình độ lao động cho phép phát triển và phân các ngành công nghiệp phù hợp.

 - Tiến bộ khoa học - kĩ thuật: Cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên, phân bố các ngành công nghiệp hợp lí. Nâng cao năng suất, chất lượng

 - Thị trường: tác động tới hướng chuyên môn hóa sản phẩm

 - Cơ cở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật: tạo cơ sở cho sự phát triển công nghiệp

 - Đường lối chính sách

d) Tổ chức thực hiện:

 - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

 + Nhóm 1: Phân tích ảnh hưởng của nhân tố vị trí địa lí tới sự phát triển và phân bố CN.

 + Nhóm 2: Phân tích ảnh hưởng của nhân tố tự nhiên tới sự phát triển và phân bố CN.

 + Nhóm 3: Phân tích ảnh hưởng của nhân tố kinh tế - xã hội (dân cư - lao động, tiến bộ KH - KT, thị trường) tới sự phát triển và phân bố CN.

 + Nhóm 4: Phân tích ảnh hưởng của nhân tố kinh tế - xã hội (đường lối chính sách, xu thế phát triển) tới sự phát triển và phân bố công nghiệp.

 - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

 + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

 + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

 - Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

 + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

 + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

 - Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục đích: Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kĩ năng bài học góp phần hình thành các kĩ năng mới cho HS

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi:

Câu 1. Vai trò chủ đạo của ngành sản xuất công nghiệp được thể hiện

A. cung cấp hầu hết tư liệu sản xuất.

B. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

C. sản xuất ra nhiều sản phẩm mới.

D. khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

Câu 2. Điểm giống nhau cơ bản của hai giai đoạn sản xuất công nghiệp là

A. đều sản xuất bằng thủ công.

B. đều sản xuất bằng máy móc.

C. cùng chế biến nguyên liệu để tạo ra sản phẩm tiêu dùng.

D. cùng tác động vào đối tượng lao động để tạo ra nguyên liệu.

Câu 3. Nhân tố nào sau đây không phải là nhân tố kinh tế - xã hội có ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp?

A. Vị trí địa lí.

B. Tiến bộ khoa học kĩ thuật.

C. Thị trường.

D. Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật.

Câu 4. Nhân tố có tính chất quyết định đến sự phát triển và phân bố công nghiệp là

A. Dân cư, nguồn lao động. B. Thị trường.

C. Cơ sỏ hạ tầng, vất chất kĩ thuật. D. Đường lối chính sách.

Câu 5. Vai trò quan trọng của công nghiệp ở nông thôn và miền núi được xác định là

A. Nâng cao đời sống dân cư. B. Cải thiện quản lí sản xuất.

C. Xoá đói giảm nghèo. D. Công nghiệp hoá nông thôn.

d) Tổ chức thực hiện:

 - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

 - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận và tìm đáp án.

 - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

 - Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục đích: HS vận dụng hoặc liên hệ kiến thức để phân biệt được sự khác nhau trong sản xuất công nghiệp và sản xuất nông nghiệp.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi:

 \* Câu hỏi: Em hãy cho biết sự khác biệt của sản xuất công nghiệp so với đặc điểm của sản xuất nông nghiệp?

 \* Trả lời câu hỏi:

Đặc điểm

Sản xuất công nghiệp

Sản xuất nông nghiệp

Giai đoạn sản xuất

 - Gồm hai giai đoạn, hai giai đoạn này diễn ra đồng thời hoặc cách xa nhau về măt không gian.

 - Đối tượng của sản xuất nông nghiệp là cây con, có sự sinh trưởng và phát triển qua nhiều giai đoạn kế tiếp, theo quy luật sinh học. ⇒ Cần tôn trọng quy luật sinh học.

Mức độ tập trung

 - Sản xuất công nghiệp có tính chất tập trung cao độ (trên một diện tích đất nhất định có thể xây dựng nhiều xí nghiệp, thu hút nhiều lao động và tạo ra khối lượng hàng hóa lớn.

 - Sản xuất nông nghiệp phân tán trên một không gian rộng lớn.

 - Mang tính mùa vụ.

Sản phẩm

 - Sản phẩm là những vật vô tri vô giác (tư liệu sản xuất, vật phẩm tiêu dùng).

 - Sản phẩm là những cá thể sống (cây, con).

 Mức độ phụ thuộc tự nhiên

 - Ít phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên

 - Phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên.

Tính chuyên môn hóa

 - Tính chuyên môn hóa cao, hợp tác hóa cao.

 - Sản xuất công nghiệp bao gồm nhiều ngành phức tạp, được phân công tỉ mỉ và có sự phối hợp giữa nhiều ngành để tạo ra sản phẩm cuối cùng.

 - Hình thành các vùng chuyên môn hóa nông nghiệp.

d) Tổ chức thực hiện:

 - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

 - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận và tìm đáp án.

 - Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

 - Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

3.4. Củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

3.5. Hướng dẫn về nhà:

 - Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

 - Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

 - Chuẩn bị bài mới: Bài 32. Địa lí các ngành công nghiệp: I. Công nghiệp năng lượng.